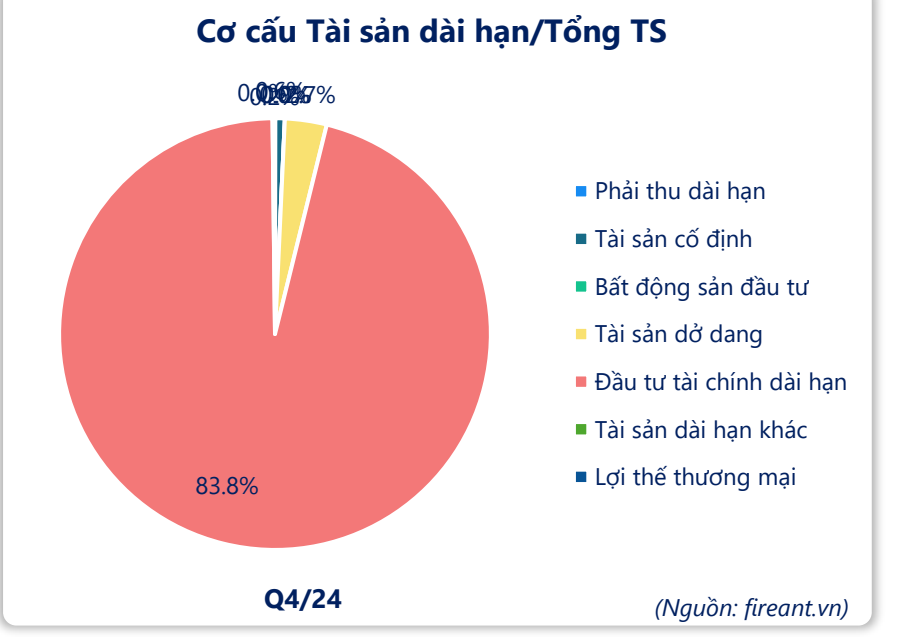
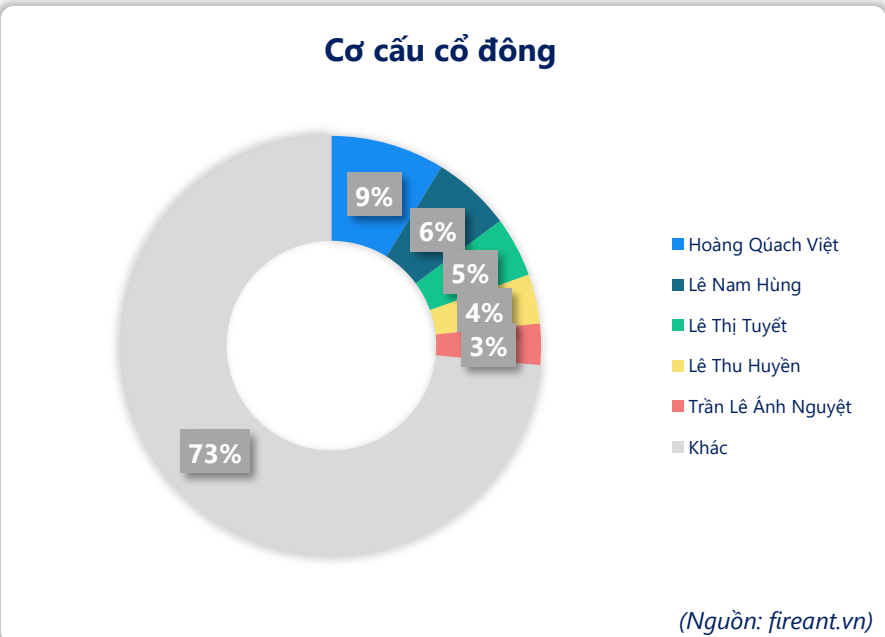
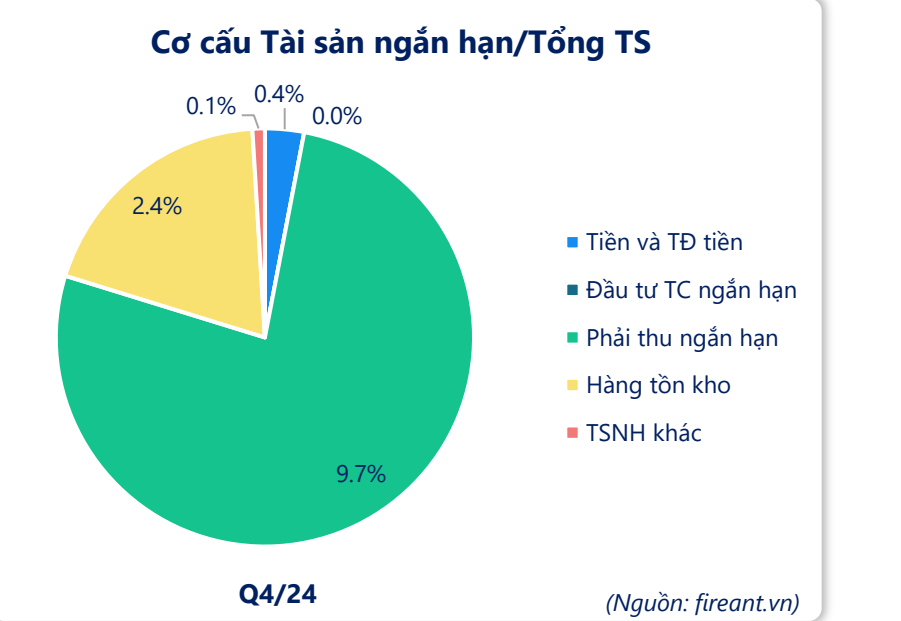
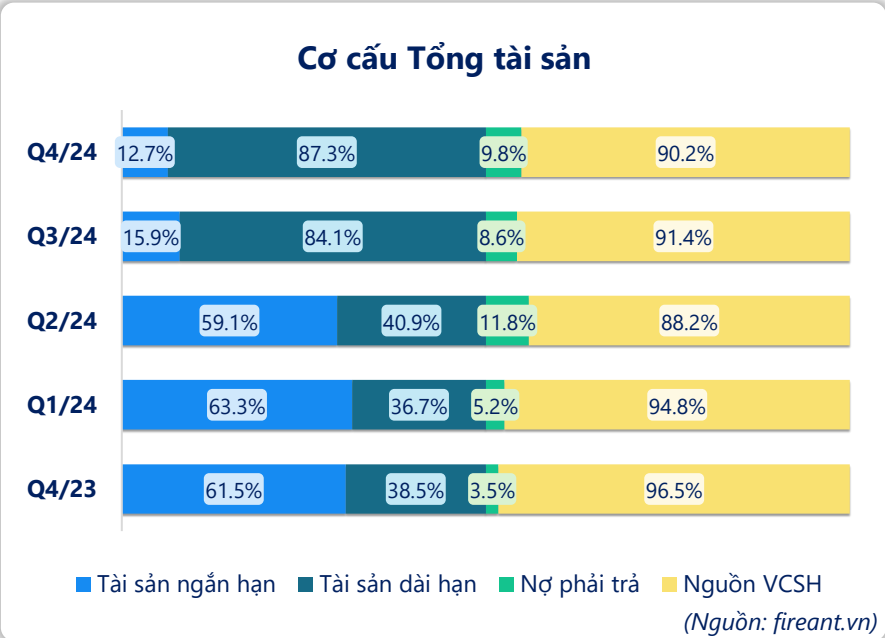
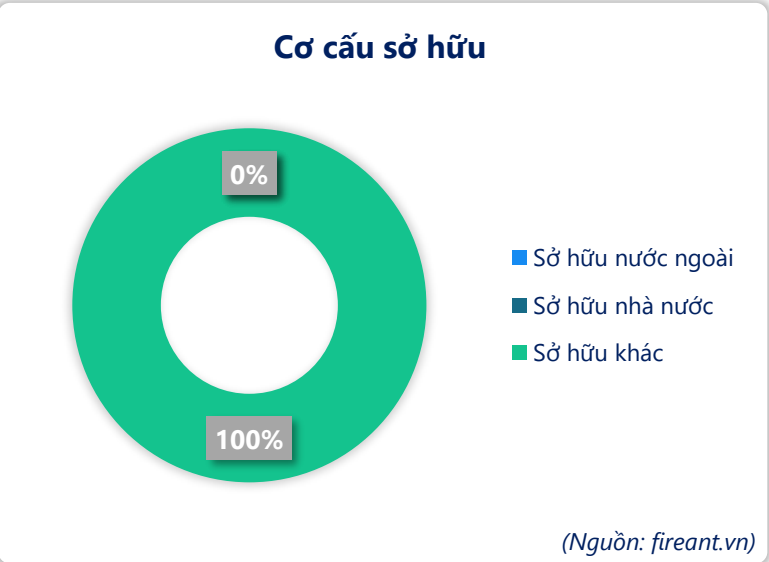
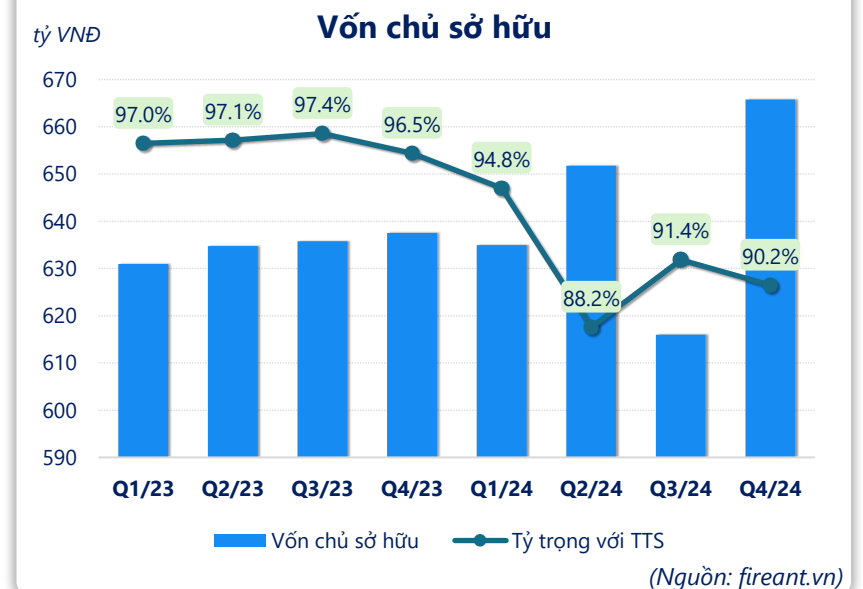
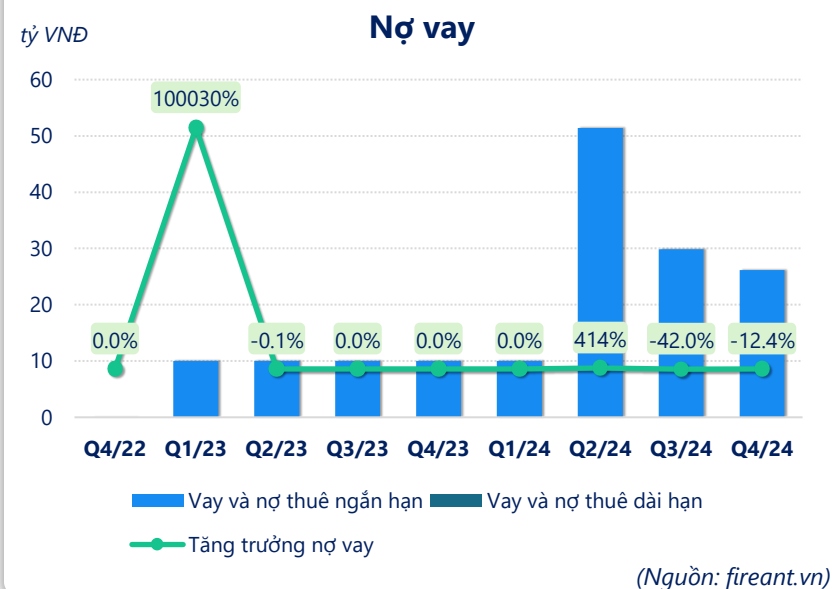
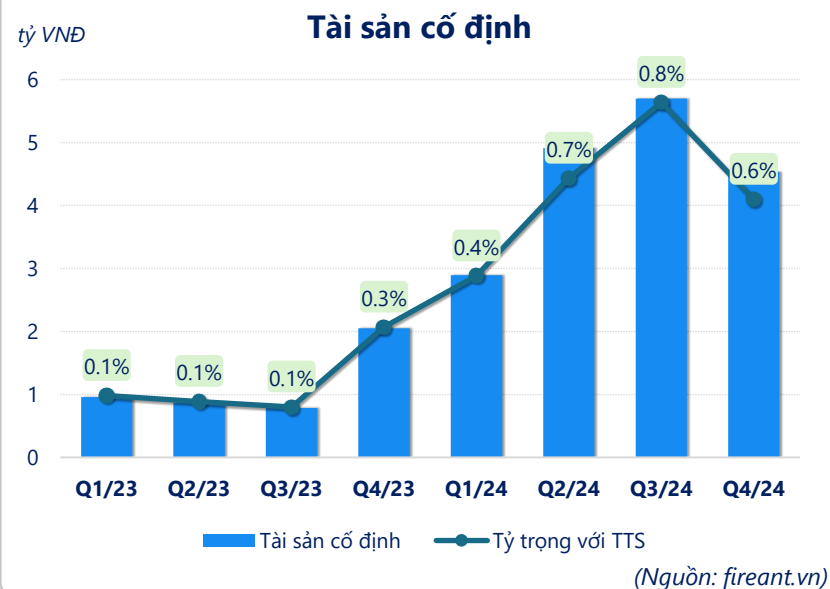
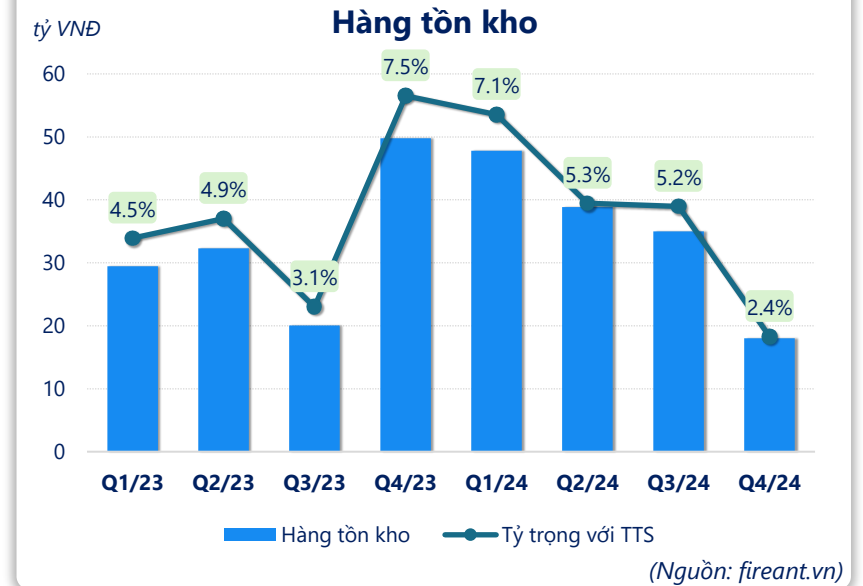
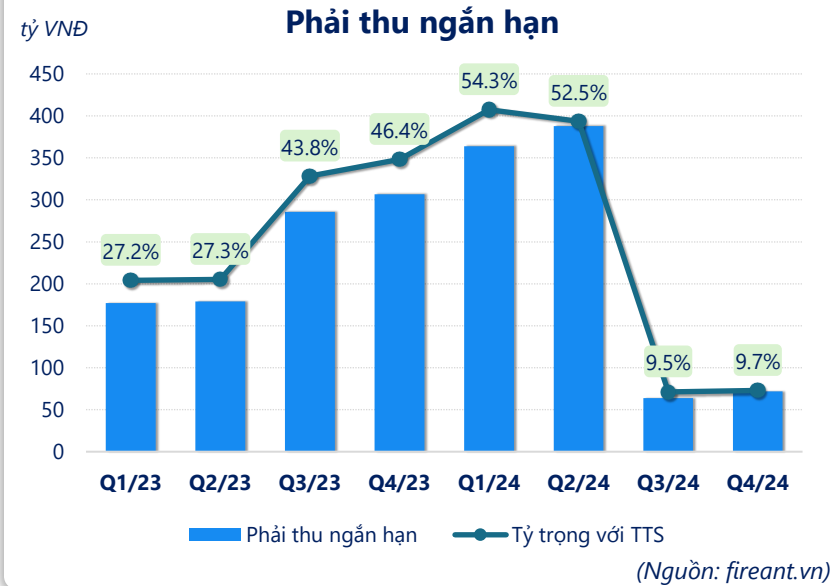
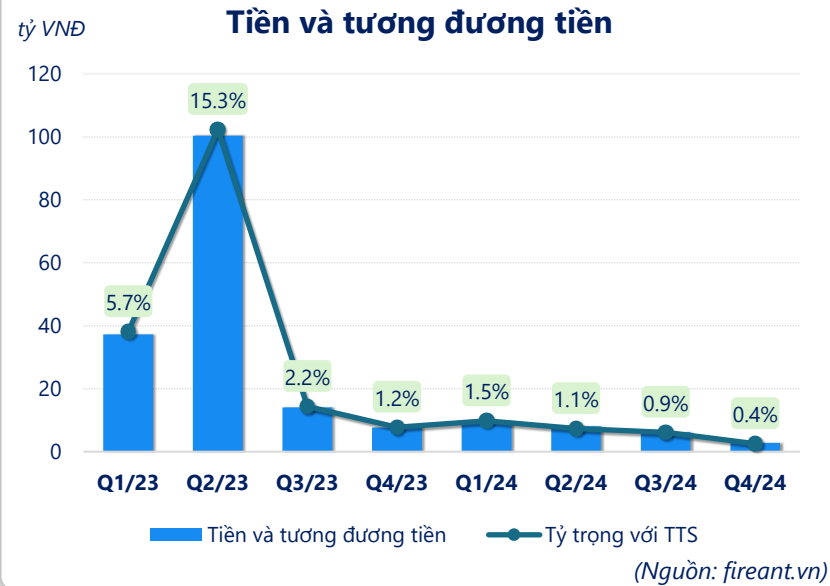
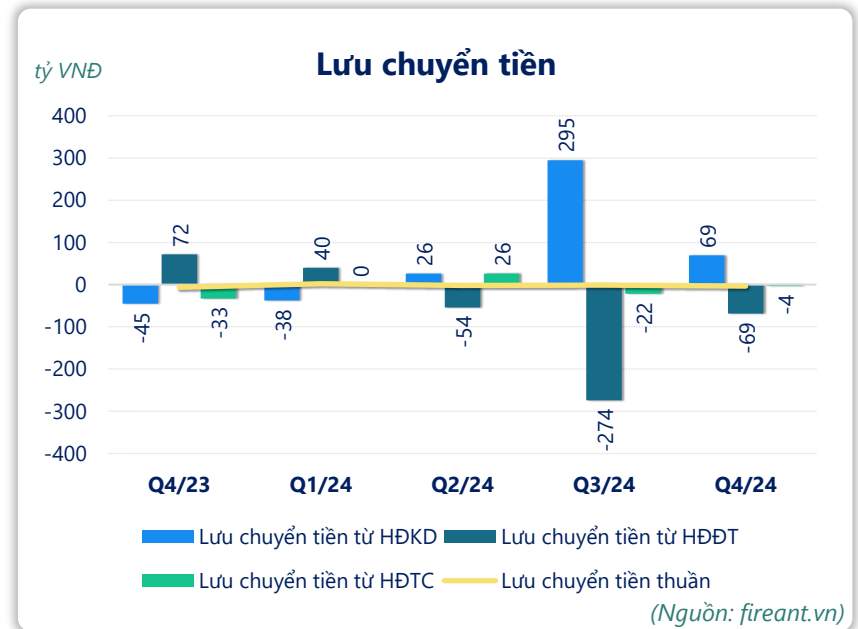
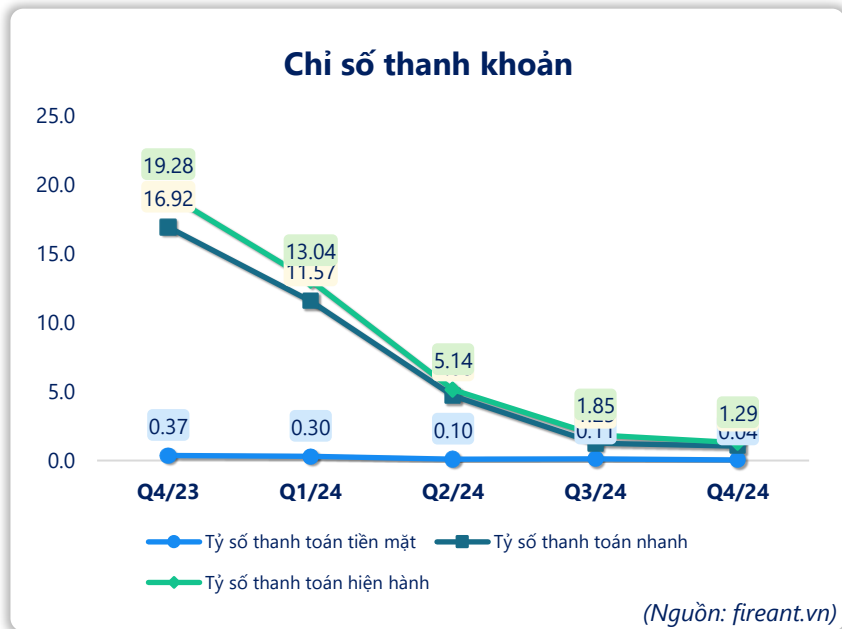
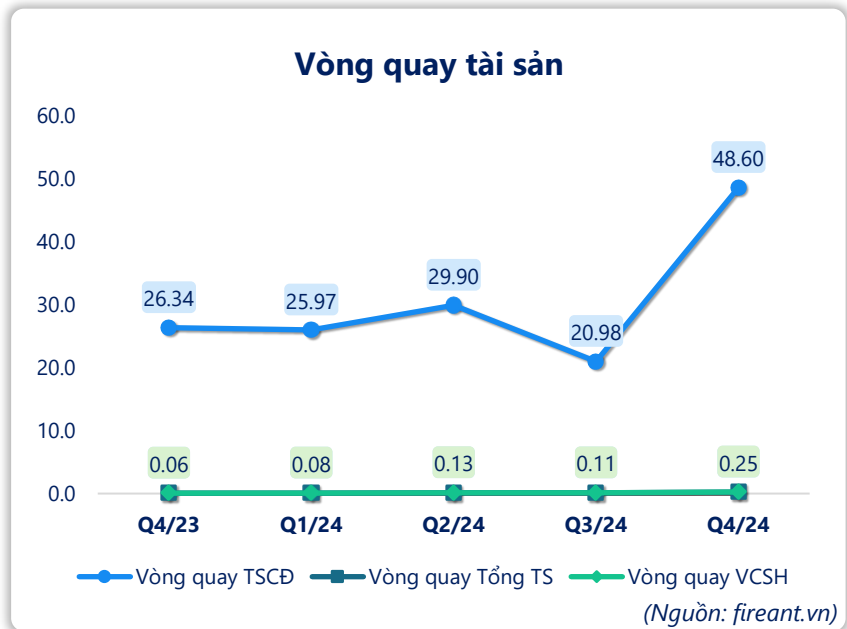
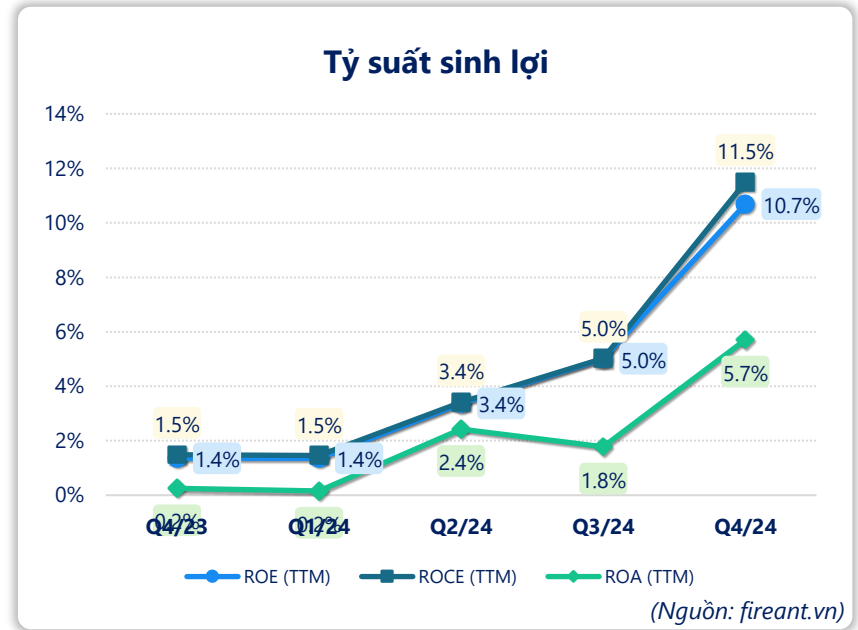
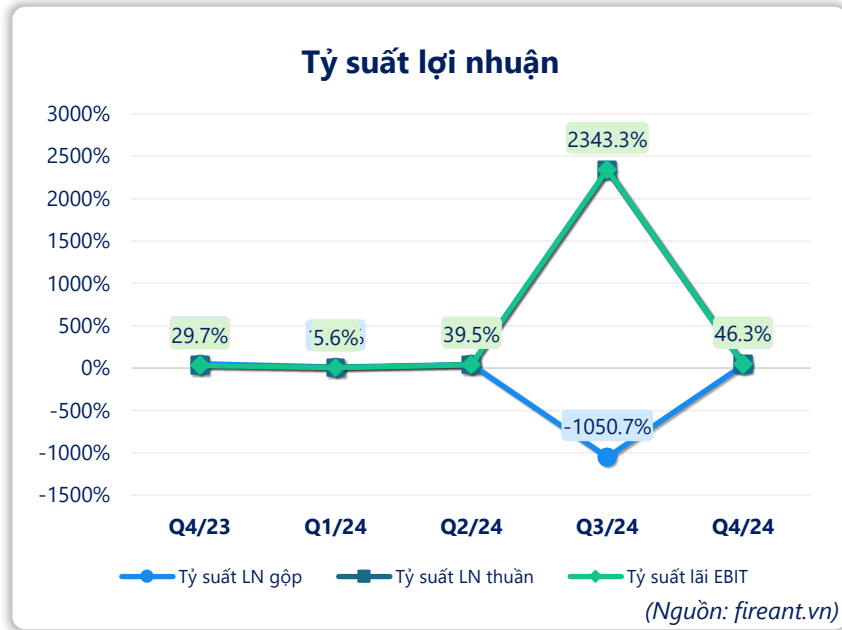
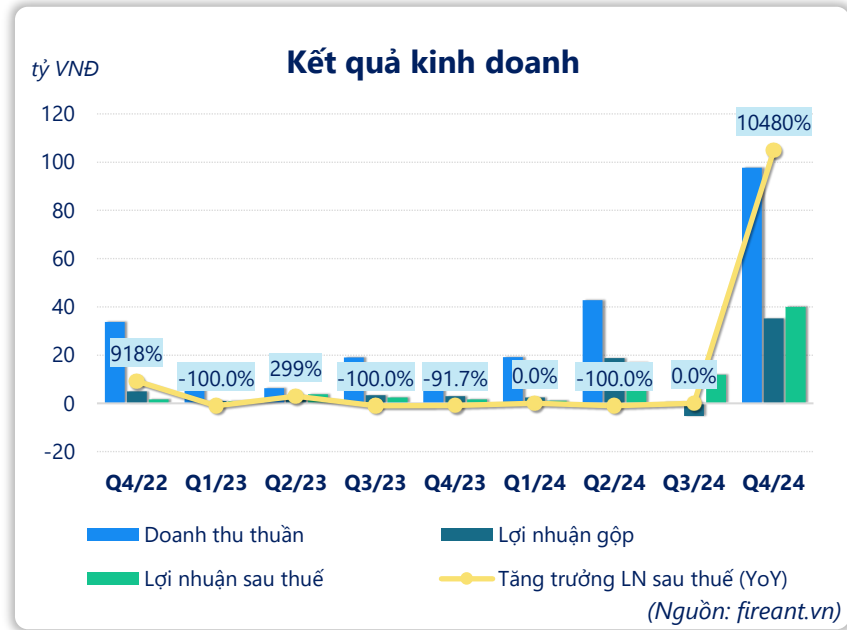


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		2,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		4,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,000
SL cổ phiếu LH		43,199,974
KLGD BQ 20 phiên (CP)		65,770
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		95
P/E		1.4
EPS		1,612

	YTD	1T	3T	6T
SRA		10.0%	-37.1%	-43.6%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	738	658	12.2%
Tài sản ngắn hạn	93.4	402	-76.8%
Tiền và tương đương tiền	2.82	7.70	-63.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	40.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	71.7	303	-76.4%
Hàng tồn kho	18.0	48.3	-62.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.90	2.46	-63.6%
Tài sản dài hạn	645	256	152%
Phải thu dài hạn	0.18	10.1	-98.3%
Tài sản cố định	4.54	1.99	128%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	20.2	38.2	-47.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	619	204	203%
Tài sản dài hạn khác	1.19	1.25	-4.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	72.3	23.2	211%
Nợ ngắn hạn	72.3	23.2	211%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.1	10.0	161%
Phải trả người bán ngắn hạn	26.5	9.01	194%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	666	634	5.0%
Vốn chủ sở hữu	666	634	5.0%
Vốn điều lệ	432	432	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	5.68	19.1	42.7	0.50	97.7
Giá vốn hàng bán	2.78	16.6	23.9	5.80	62.5
Lợi nhuận gộp	2.90	2.46	18.8	-5.29	35.3
Doanh thu HĐTC	0.41	0.09	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	-0.23	0.29	0.34	0.56	-11.0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	-0.05	0	0.00	-0.23	-0.64
Chi phí bán hàng	0.31	0.15	0.11	0.18	0.45
Chi phí QLDN	1.49	1.01	1.73	-18.0	-0.15
LN thuần từ HĐKD	1.69	1.10	16.6	11.8	45.3
Lợi nhuận khác	0.00	-0.03	0.26	0.05	-0.01
LN trước thuế	1.69	1.07	16.9	11.8	45.3
Lợi nhuận sau thuế	1.64	1.05	16.9	11.8	39.9
LNST của CĐ cty mẹ	1.64	1.03	16.9	11.8	39.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-45.4	-37.9	25.9	295	69.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	71.7	40.0	-54.0	-274	-68.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-32.7	0	26.4	-21.6	-3.69
Tiền đầu kỳ	14.1	7.70	9.82	8.12	6.22
Lưu chuyển tiền thuần	-6.35	2.12	-1.73	-1.28	-3.41
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.70	9.82	8.12	6.22	2.82

(Nguồn: fireant.vn)